

HÌNH THÀNH VÙNG CÂN BẰNG MỚI

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư có thể thực hiện các hoạt động mua trading khi thị trường xuất hiện rung lắc, điều chỉnh, vùng hỗ trợ gần 1.316-1.320 điểm.
BÁN	Nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn, nhất là các nhóm cổ phiếu tăng mạnh như chứng khoán, Vingroup,...

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

VPB

NĂM GIỮ

↑ 8,72%

VND21.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm nhẹ vào thứ Sáu, hoàn tất tuần tăng điểm sau chuỗi 4 tuần giảm liên tiếp.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Mặc dù thị trường vẫn chưa thoát được nhịp điều chỉnh và ghi nhận phiên giảm điểm thứ 4 liên tiếp nhưng nhìn chung chưa quá tiêu cực khi dòng tiền bắt đáy vẫn hiện hữu. Về kỹ thuật, VN-Index đang có tín hiệu kiểm tra vùng hỗ trợ quanh đường MA20 ngày. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư bình tĩnh và tìm kiếm cơ hội giảm tỷ trọng các cổ phiếu có tín hiệu điều chỉnh mạnh, đồng thời chuyển dần tỷ trọng sang các mã vẫn duy trì được xu hướng tích lũy và đang thu hút được lực cầu thuộc một số nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, xây dựng hạ tầng,...

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	41.985,35	0,08	-1,31
S&P 500	5.667,56	0,08	-3,64
Nasdaq	17.784,05	0,52	-7,91
VIX	19,28	-2,63	11,12
DAX	22.891,68	-0,47	14,98
FTSE 100	8.646,79	-0,63	5,80
CAC40	8.042,95	-0,63	8,97
Hang Seng	23.689,72	-2,19	18,09

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	59,21	BUY
MACD (12,26)	12,18	BUY
ADX (14)	27,96	BUY
SMA5	1.327,53	SELL
SMA20	1.319,07	BUY
SMA50	1.283,31	BUY
SMA100	1.268,11	BUY
SMA200	1.267,54	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** tăng điểm nhẹ trong phiên ngày thứ Sáu (21/3), hoàn tất một tuần tăng và chấm dứt chuỗi 4 tuần giảm liên tiếp dưới áp lực từ thuế quan, mối lo suy thoái và sự dịch chuyển của dòng tiền khỏi các cổ phiếu công nghệ vốn hóa lớn. Giá dầu thô cũng tăng trong tuần này, khi các biện pháp trừng phạt mới của Mỹ liên quan tới Iran đặt ra rủi ro thắt chặt nguồn cung dầu. Lúc đóng cửa, chỉ số S&P 500 tăng 0,08%, chốt ở mức 5.667,56 điểm. Chỉ số Nasdaq tăng 0,52%, đạt 17.784,05 điểm. Chỉ số Dow Jones tăng 32,03 điểm, tương đương tăng 0,08%.
- **Nhà Trắng** ngày 20/3 thông báo kế hoạch áp đặt các mức thuế quan cao vào ngày 2/4, thời điểm Tổng thống Mỹ Donald Trump dự định công bố các mức thuế quan "có đi có lại" với riêng từng nước, trừ trường hợp đã đạt được thỏa thuận sơ bộ với Mỹ trong vấn đề này.
- **Lần đầu tiên NHNN** tăng giá bán USD lên trên 26.000 đồng, giá đô la chợ đen tiến sát mức đỉnh lịch sử. Tỷ giá trung tâm hôm 21/3 được NHNN công bố ở mức 24.813 VND/USD, tăng 6 đồng so với mức niêm yết hôm qua và hiện là mức cao kỷ lục. Với biên độ 5%, hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại được phép giao dịch là từ 23.572 - 26.054 VND/USD.
- **DHC:** Năm 2025, Đông Hải Bến Tre đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 3.275 tỷ đồng, giảm xấp xỉ 9% so với thực hiện năm trước; trong đó 2.925 tỷ đồng từ 3 nhà máy của Đông Hải Bến Tre và 350 tỷ đồng từ Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre. Theo đó, lợi nhuận sau thuế kỳ vọng đạt 242 tỷ đồng, đi ngang năm trước.
- **PGV:** Tổng công ty Phát điện 3 - CTCP vừa gửi đến các nhà đầu tư báo cáo công bố tình hình sản xuất kinh doanh trong tháng 2 và kế hoạch tháng 3/2025. Theo đó, sản lượng điện sản xuất toàn Tổng Công ty đạt 1,94 tỷ kWh trong tháng 2/2025, tương đương 104,67% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng điện lũy kế 2 tháng đạt 3,979 tỷ kWh, đạt 108,4% kế hoạch và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước.
- **MWG:** Theo báo cáo của CTCP Đầu tư Thế giới Di động, doanh thu 2 tháng đầu năm đạt 24.524 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện được 16% kế hoạch doanh thu 2025 (150.000 tỷ). Như vậy trung bình mỗi ngày trong 2 tháng đầu năm, doanh nghiệp bán lẻ này đem về 416 tỷ đồng doanh thu.
- **VHC:** Theo số liệu kinh doanh tháng 2/2025, CTCP Vĩnh Hoàn ghi nhận 774 tỷ đồng doanh thu, giảm 3% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm 9% so với tháng liền trước (1/2025). Trong tháng này, thị trường Mỹ dẫn đầu về doanh thu với 233 tỷ đồng, tăng 12%. Theo sau là nội địa khi đem về doanh thu 233 tỷ đồng, tăng 11%. Trong khi doanh thu từ thị trường Trung Quốc tiếp tục giảm tới 54% so với cùng kỳ, còn 61 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	3.022,56	0,01	15,17
Dầu WTI	68,36	0,12	-4,68
Dầu Brent	72,23	0,10	-3,23
Than	97,00	-0,77	-22,55
Đồng	9.855,50	-0,82	12,40
Quặng sắt	101,65	-0,14	-3,03
Thép	462,00	-1,18	-2,89

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	104,044	-0,04	-4,10
USD/JPY	149,76	-0,29	4,97
USD/CNY	7,2518	-0,03	0,66
EUR/USD	1,0833	0,14	4,63
GBP/USD	1,293	0,09	3,31

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,50%	19/03/2025	-0,25
ECB	2,90%	06/03/2025	-0,50
BOE	4,50%	20/03/2025	-0,25
BOJ	0,50%	19/03/2025	0,25
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	513,54	27.150	0,00
FPT	820,20	128.000	2,40
MWG	187,37	60.300	0,50
TCB	204,14	27.350	-0,36
STB	252,32	38.650	-0,64

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	551.475,63	66.000	-1,20
BID	276.992,73	39.450	-0,88
CTG	223.660,16	41.650	0,12
FPT	188.296,86	128.000	2,40
TCB	193.223,70	27.350	-0,36

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

VPB

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

NĂM GIỮ

19.500

21.200

8,72%

19.200-19.300

<18.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Tính riêng quý IV, lợi nhuận hợp nhất của VPBank đạt hơn 6.100 tỷ đồng, tăng gấp 2,4 lần so với cùng kỳ. Quy mô tín dụng hợp nhất của VPBank cán mốc 710.000 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất hợp nhất trong năm đạt hơn 20.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ an toàn thanh khoản như tỷ lệ cho vay trên tổng huy động LDR (81,6%), vốn ngắn hạn cho vay trung - dài hạn (27,3%) đều ở mức tốt. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II của ngân hàng hợp nhất đạt 15,4%. Thu từ nợ đã xử lý rủi ro hợp nhất trong năm 2024 đạt 5.600 tỷ đồng, cao gấp 2,3 lần so với năm 2023. VPB đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới ngưỡng 3%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- VPB nói riêng và nhóm ngân hàng nói chung đang xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Vùng cản gần của cổ phiếu quanh 19.800-20.000 đồng, hỗ trợ vùng 19.000-19.300. Do đó, NĐT có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân tăng tỷ trọng đối với cổ phiếu VPB, vùng mua dự kiến quanh 19.200-19.300 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q42024
DTT (tỷ đ)	49.739	62.255	17.644
LNTT (tỷ đ)	10.804	20.013	6.151
LNST (tỷ đ)	8.494	15.987	5.040
Nợ/VCSH (%)	124	182	0
ROE (%)	8,62	11,41	11,41
ROA (%)	1,38	1,81	1,81
EPS (VNĐ)	1.433	1.989	1.989
P/E (lần)	13,4	9,7	9,80
P/B (lần)	1,13	1,07	1,09

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	52,69	BUY
MACD (12,26)	0,16	BUY
ADX (14)	22,38	BUY
SMA5	19.710	SELL
SMA20	19.430	BUY
SMA50	19.020	BUY
SMA100	19.150	BUY
SMA200	19.090	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	BID	Nắm giữ	38,6-39,3	6/2/2025	39,6	45	37,3			-0,38%
2	KBC	Nắm giữ	28,5-29,5	18/2/2025	29,2	33	27,6			0,00%
3	VPB	Nắm giữ	18,7-19	21/02/2025	19	21,2	18			2,63%
4	TCB	Mua	26,6-27,3	19/3/2025	27,3	29,5	25,6			0,18%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
2	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
3	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
4	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
5	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%
6	HHV	Chốt lời	10,8-11,4	10/1/2024	11,4	12,8	10,5	17/1/2025	12,8	12,28%
7	VCG	Chốt lời	17,7-18,1	14/01/2025	18,1	19,8	17,2	3/2/2025	20	10,50%
8	HPG	Cắt lỗ	26-26,8	5/2/2025	26,8	28,9	25,5	10/2/2025	25,50	-4,8%
9	VCI	Chốt lời	33,6-34,6	4/2/2025	34,35	37,45	32	3/3/2025	37,45	9,02%
10	SSI	Chốt lời	24,5-25	24/2/2025	25,3	27,4	23,8	13/3/2025	27,4	8,30%
11	POW	Cơ cấu	11,4-11,8	12/2/2025	11,8	13,2	11,2	14/3/2025	12	1,69%
12	VHC	Cơ cấu	67,5-69,5	18/2/2025	69,5	76	65,6	14/3/2025	67,9	-2,3%
13	PC1	Cơ cấu	23,5-23,9	26/2/2025	23,9	26,3	22,7	14/3/2025	23,1	-3,35%
14	KSB	Cơ cấu	19,6-20	6/3/2025	19,9	22,1	19	14/3/2025	19,85	-0,21%
15	DXG	Cơ cấu	15,7-16,2	11/3/2025	16,2	17,8	15,2	14/3/2025	16,1	-0,61%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày 20/10/2024

MICP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-12%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
MICP	MEN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Cố thể DCA về 61-62)	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giờ	
MICP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room